

sấy, sấy khô ở nhiệt độ cao (khoảng 100 °C) trong 3 h đến 4 h. Tiếp tục sấy ở 80 °C đến 90 °C đến gần khô và sấy ở nhiệt độ 60 °C đến khô (sờ không dính tay, thời gian sấy khoảng 3 h đến 4 h). Long nhãn thu được có màu vàng ngà đến vàng.

Bảo quản

Trong đồ đựng kín, có lót thêm chất chống ẩm. Để nơi khô, mát, tránh mốc, mốc, để phòng dược liệu bị ẩm ướt, chua và biến màu. Thường dùng trong vòng 6 tháng kể từ ngày bào chế. Nếu Long nhãn bị mốc, chảy nhựa chuyển màu đen không được dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính bình. Vào các kinh tâm, tỳ.

Công năng, chủ trị

Ích can, an thần, định chí, bổ tâm, bổ tỳ, bổ huyết. Chủ trị: Do lao lực nhiều, ăn ngủ kém, khí huyết hao tổn sinh chứng mất ngủ, tim hồi hộp, mệt mỏi, khí lực sút kém, da vàng.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g. Dạng thuốc sắc hoặc làm hoàn, viên tùy theo bài thuốc. Nếu tán bột làm hoàn thì thái nhỏ long nhãn, tán với bột thuốc khác hoặc nấu như lấy nước đặc, cô với mật để luyện thuốc hoàn.

Kiêng kỵ

Ngoại cảm có hỏa uất phần huyết, các bệnh tích nước trong cơ thể không dùng.

LÔ HỘI (Nhựa)

Aloes Resina

Chất dịch đã cô đặc và được làm khô lấy từ lá cây Lô hội (chủ yếu từ *Aloe vera* L. và *Aloe ferox* Mill.), họ Lô hội (Asphodelaceae). Cắt lá cây, ép lấy chất dịch ở trong, đem cô khô để thu được các khối nhựa.

Mô tả

Khối nhựa có kích thước không đồng đều, màu nâu đen hơi ánh vàng, dễ vỡ vụn, chỗ vỡ óng ánh như thủy tinh, không có tạp chất. Mùi hơi khó chịu, vị đắng nồng.

Định tính

A. Lấy 0,5 g bột dược liệu cho vào bình nón 250 ml, thêm 50 ml nước, lắc kỹ trong 5 min. Lọc được dịch lọc A.

Lấy 5 ml dịch lọc A cho vào ống nghiệm và thêm 0,2 g *dinatri tetraborat* (TT), đun nóng đến tan. Lấy 1 ml dung dịch thu được, thêm 30 ml nước cất, lắc kỹ. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm sẽ có huỳnh quang màu vàng sáng xuất hiện.

Lấy 2 ml dịch lọc A cho vào ống nghiệm, thêm 2 ml nước bão hòa *brom* (TT), xuất hiện tủa màu vàng.

B. Lấy 0,1 g bột dược liệu cho vào bình nón dung tích 100 ml. Thêm 5 ml dung dịch sắt (III) clorid 3 % (TT) và

5 ml dung dịch acid hydrocloric 10 % (TT). Lắc đều rồi đun trên cách thủy 10 min, để nguội, thêm 15 ml ether ethylic (TT), lắc kỹ trong 1 min. Gạn lấy lớp ether và thêm 5 ml dung dịch amoniac 10 % (TT), lắc kỹ. Lớp amoniac có màu hồng tím.

C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: Nước - ethyl acetat - methanol (13 : 100 : 17).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu, thêm 20 ml methanol (TT), đun sôi trong cách thủy. Lắc trong vài phút, lọc.

Dung dịch chất đối chiếu: Lấy 25 mg barbaloin chuẩn, hòa tan trong methanol (TT) và pha loãng đến 10 ml với cùng dung môi.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 10 cm, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun dung dịch kali hydroxyd 10 % trong methanol (TT). Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải không có vết phát huỳnh quang màu tím, phải cho vết có huỳnh quang tương đương về vị trí và cùng màu với vết barbaloin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1,000 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 4,0 % (Phụ lục 9.8).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 0,4 g bột dược liệu (qua rây số 180) vào một bình nón dung tích 250 ml. Làm ẩm dược liệu với 2 ml methanol (TT) và thêm 5 ml nước cất đã đun nóng 60 °C, lắc đều. Thêm 75 ml nước và đun trong cách thủy ở 60 °C trong 30 min, thỉnh thoảng lắc. Để nguội, lọc vào bình định mức có dung tích 1000 ml, tráng bình nón và rửa giấy lọc với 20 ml nước, gộp dịch tráng và rửa vào bình định mức trên. Thêm nước tới vạch. Trộn đều. Lấy chính xác 10 ml dịch chiết trên cho vào một bình cầu có dung tích 100 ml. Thêm 1 ml dung dịch sắt (III) clorid 60 % (TT) và 6 ml acid hydrocloric (TT). Đun hồi lưu trong cách thủy 4 h. Để nguội, rồi chuyển toàn bộ dung dịch vào một bình gạn, rửa bình cầu lần lượt bằng 4 ml nước, 4 ml dung dịch natri hydroxyd 1 M (TT) và 4 ml nước. Gộp các dịch rửa vào bình gạn trên. Lắc kỹ hỗn hợp trên với ether ethylic (TT) ba lần, mỗi lần 20 ml. Gộp tất cả dịch chiết ether vào một bình gạn khác và rửa 2 lần với nước, mỗi lần 10 ml. Gạn lớp ether vào một bình định mức có dung tích 100 ml. Thêm ether ethylic (TT) tới vạch. Lấy chính xác 20 ml dung dịch ether ethylic, bốc hơi tới cạn trên cách thủy. Hòa tan cân bằng chính xác 10 ml dung dịch magnesi acetat 0,5 % trong methanol (TT). Đo độ hấp thụ ở bước sóng 512 nm (Phụ lục 4.1), dùng methanol (TT) làm mẫu trắng. Hàm lượng dẫn chất hydroxyanthracen tính theo barbaloin được tính theo công thức sau:

$$X \% = \frac{(A \times 19,6)}{m}$$

Trong đó:

A là độ hấp thụ đo được ở bước sóng 512 nm;

m là lượng bột dược liệu đã trừ độ ẩm (g);

X là hàm lượng dẫn chất hydroxyanthracen tính theo barbaloin.

Chế phẩm phải chứa dẫn chất hydroxyanthracen không dưới 18 % tính theo barbaloin ($C_{21}H_{22}O_9$), tính theo chế phẩm khô kiệt.

Chế biến

Lấy khối nhựa Lô hội khô tán nhỏ trước khi dùng, dùng sống.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô mát, trong lọ kín.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi thoáng mát, tránh mốc, nên dùng trong vòng 30 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, tính hàn. Vào các kinh can, tỳ, vị, đại tràng.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt, mát gan, sát trùng, lợi thủy thấp. nhuận tràng thông đại tiện, Chủ trị: trị táo bón, trị chứng vàng da do gan thấp nhiệt, trẻ em mắc chứng cam tích, kinh giản, phụ nữ bế kinh; dùng giải độc Ba đầu.

Cách dùng, liều lượng

Kiện tỳ vị: Ngày uống 0,01 g đến 0,3 g.

Nhuận tràng: Ngày uống một lần 0,06 g đến 0,2 g.

Dùng để tẩy xổ: Ngày uống một lần 1 g đến 2 g.

Thuốc hoàn tùy theo liều lượng của bài thuốc.

Cách dùng: Cho Lô hội đã tán nhỏ vào bát, thêm một ít nước thuốc đang sôi khi sắc thuốc, khuấy đều cho tan. Khi thuốc sắc đã được, rót dịch thuốc sắc vào bát có nước Lô hội vừa hòa tan (đã chế sẵn), khuấy đều cho nước Lô hội hòa tan vào dịch thuốc sắc, lọc bỏ bã còn đọng lại dưới đáy bát (nếu có), để ấm cho bệnh nhân uống. Nếu làm viên hoàn, quấy bột nhựa Lô hội thành hồ làm tá dược để làm viên hoàn hồ Lô hội, hoặc sau khi làm viên hoàn xong và sấy khô viên thuốc, lấy nước cao Lô hội làm áo ngoài viên thuốc.

Kiêng kỵ

Tỳ vị hư yếu, đại tiện lỏng, phụ nữ có thai cấm dùng. Cần thận khi dùng cho trẻ em.

LỘC GIÁC

Cervi Cornu

Gạc hươu, Sừng hươu già rụng

Sừng già (gạc) đã hoá xương hay gốc sừng (giác cơ) rụng xuống sau khi đã cưa lấy nhung của Hươu sao đực (*Cervus*

nippon Temminck), họ Hươu (*Cervidae*). Gạc Hươu sao được gọi là Mai hoa lộc giác và gốc gạc hươu rụng gọi là Lộc giác thoát bản. Thường thu lấy gạc hươu vào mùa xuân khi gạc rụng hoặc gốc sừng rụng xuống sau khi đã cưa lấy nhung hươu năm trước (gốc sừng còn lại, sẽ rụng vào mùa xuân năm sau).

Mô tả

Gạc Hươu sao: Thường chia thành 3 đến 4 nhánh, dài 30 cm đến 60 cm, đường kính 2,5 cm đến 5 cm, hai bên đối xứng. Đa số nhánh cạnh phát triển hướng về hai bên, nhánh thứ nhất tương đối gần gốc sừng (Trần châu bản), nhánh thứ hai gần nhánh thứ nhất. Đầu nhánh chủ (nhánh chính) chia thành hai nhánh nhỏ. Mặt ngoài màu nâu vàng hoặc nâu xám. Đầu nhánh màu trắng xám không có lông. Bộ phận giữa và dưới thường có dạng bướu hay mấu nhỏ nổi lên, thường gọi là cốt đỉnh (đỉnh xương). Cốt đỉnh sắp xếp thành cạnh (lăng) dọc, không liên tục; ở dưới gốc sừng có mầm lồi lên gọi là Trần châu bản. Chất rắn chắc. Mặt cắt có vòng ngoài màu trắng, giữa màu xám, có những lỗ dạng tổ ong nhỏ. Vị hơi mặn.

Gốc gạc hươu rụng (Lộc giác thoát bản): Hình mũ trụ hoặc mũ trụ dẹt, đường kính 3 cm đến 6 cm. Trần châu bản, đường kính 4,5 cm đến 6,5 cm, cao 1,5 cm đến 4 cm. Mặt ngoài màu nâu xám hay nâu vàng xám, sáng bóng. Phần giữa có lỗ dạng tổ ong. Mặt đáy phẳng, giống hình tổ ong, hầu hết màu trắng vàng hoặc nâu vàng. Mép chung quanh Trần châu bản thường có lỗ nhỏ thưa. Mặt trên hơi phẳng, hình bán cầu không đều, chất cứng. Vòng ngoài mặt cắt có chất xương màu trắng xám, phần giữa màu trắng. Vị hơi mặn.

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 17,0 %.

Cân chính xác khoảng 4 g bột thô chế phẩm vào cốc có mỏ, thêm 90 ml nước, đun sôi nhẹ trong 1 h (bổ sung lượng nước hao hụt trong quá trình đun), lọc nóng, rửa cặn với 10 ml nước nóng, lọc. Gộp các dịch lọc và chuyển vào bình định mức 100 ml, thêm nước vừa đủ đến vạch, lắc đều. Lấy chính xác 25 ml dung dịch thu được vào cốc thủy tinh đã làm khô và cân bì trước, cô trong cách thủy đến cạn khô, cân thu được sấy ở 105 °C trong 3 h, lấy ra để nguội trong bình hút ẩm 30 min, cân nhanh để xác định khối lượng cân. Tính phần trăm lượng chất chiết được bằng nước.

Chế biến

Sau tiết hạ chí, dương khí bắt đầu tàn âm khí phát triển, bắt đầu sang mùa thu, sừng hươu không cắt lấy lộc nhung làm thuốc mọc nhiều chồi, chồi dương thường phát triển thành 3 - 4 chồi, chồi âm thường phát triển thành 2 chồi, có chiều dài 50 cm trở lên tùy theo hươu lớn hay bé, khí lực nhiều hay ít (tính theo tuổi hươu). Sừng hươu tự rụng hoặc hươu đi cà vào cây để rụng gọi là Gạc, có thể thu lấy gạc từ hươu vừa săn bắn được. Thu lấy gạc để nấu cao. Không lấy gạc của hươu đã chết, hươu do hổ báo ăn thịt bỏ lại gạc có chất độc không được dùng nấu cao.